

CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
RANGDONG LIGHT SOURCE & VACUUM FLASK JOINT STOCK COMPANY

PHÒNG THỬ NGHIỆM VILAS 126

Add: 87-89, Hadinh Str - Thanh Xuan Dist - Hanoi - Vietnam  
Tel: (84.24) 38584310 - 38584165 Fax: (84.24) 38585038  
Email: ralaco@rangdong.com.vn Website: rangdong.com.vn

Số/No.: 25.09.22 / TN - 20

Trang/Page: 1 / 2

1. Tên mẫu thử: Đèn LED chiếu sáng đường năng lượng mặt trời CSD08.SL 100W 5000K  
Name of sample
2. Khách hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN BÓNG ĐÈN PHÍCH NƯỚC RẠNG ĐÔNG  
Customer Địa chỉ: Số 87-89, phố Hạ Đình, phường Khương Đình, TP Hà Nội
3. Nhà sản xuất: Công ty Cổ phần Bóng đèn Phích nước Rạng Đông  
Manufacturer
4. Số lượng mẫu: 01 cái  
Quantity of samples
5. Ký hiệu: CSD08.SL 100W  
Model
6. Mã số mẫu: 25.09.22.20  
Code of sample
7. Ngày nhận mẫu: 22/ 09/ 2025  
Date of reception
8. Tiêu chuẩn áp dụng: TCVN 7722-2-3:2019/ IEC 60598-2-3:2011  
Standard applies TCVN 10885-2-1:2015/ IEC 62722-2-1:2014
9. Kết quả: Xem trang 02/ 02  
Result

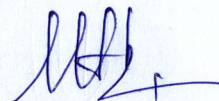
Hanoi, Date of 30/ 09/ 2025

Thử nghiệm viên/Tester

KT. Trưởng PTN/ Head of Lab.

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

(Họ tên và chữ ký/name and signature)

  
Nguyễn Minh Thư



VILAS 126

- 1- Phiếu kết quả này chỉ có giá trị đối với mẫu thử do khách hàng mang tới/ This result of testing is only for sample brought in the by customer
- 2- Không được sao chép một phần kết quả nếu không được sự đồng ý của Công ty/ Copying of part of this result is prohibited without agreement by the company.
- 3- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo khai báo của khách hàng./ Name of sample and name of customer is written according to the declaration of the customer



**KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM**

## Test Results

| TT<br>Item | Tên chỉ tiêu<br>Parameter                                                      | Đơn vị<br>Unit | Phương pháp thử<br>Test methods            | Mức yêu cầu<br>Requirement lever    | Kết quả<br>Result |
|------------|--------------------------------------------------------------------------------|----------------|--------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|
| 1          | Phân loại đèn                                                                  |                | TCVN 7722 -2-3:2019/<br>IEC 60598-2-3:2011 | --                                  | Cấp III           |
|            | • Cấp bảo vệ chống điện giật                                                   |                |                                            |                                     |                   |
| 2          | Khả năng chống bụi và ẩm                                                       |                | TCVN 10885-2-1:2015/<br>IEC 62722-2-1:2014 | IP66                                | Đạt               |
| 2.1        | Thử nghiệm cấp bảo vệ bằng vỏ ngoài (Mã IP)                                    |                |                                            | Không hư hỏng                       | Đạt               |
| 2.2        | Thử nghiệm chịu ẩm trong thời gian 48 h ở nhiệt độ 25 °C, độ ẩm tương đối 93 % |                |                                            |                                     |                   |
| 3          | Khả năng cách điện và độ bền điện                                              |                |                                            |                                     |                   |
| 3.1        | Điện trở cách điện                                                             | MΩ             |                                            | ≥ 1,0                               | > 20              |
| 3.2        | Thử nghiệm độ bền điện áp 500 V /1 phút, tần số 50 Hz                          |                |                                            | Không bị phóng điện hoặc đánh thủng | Đạt               |
| 4          | Thông số quang, màu khi pin sạc đầy                                            |                |                                            |                                     |                   |
| 4.1        | Quang thông                                                                    | lm             |                                            | ≥ 10 000 - 10 %                     | 10 055            |
| 4.2        | Nhiệt độ màu (CCT)                                                             |                |                                            | --                                  | 5 062             |
| 4.3        | Hệ số trả màu                                                                  |                |                                            | ≥ 70                                | 73,4              |
| 5          | Thử nghiệm chịu va đập cơ học IK08                                             |                |                                            | Không hư hỏng                       | Đạt               |

